

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG NAI

Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Giao dự toán chi hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023)

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày / /2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chương 422.

Đơn vị tính: Đồng.

Số thứ tự	Nội dung	Tổng số Sở Tài chính giao theo quyết định số 167/QĐ-STC	Tổng dự toán giao năm 2023	LOẠI 340 KHOẢN 341	Văn phòng Sở	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
A	B	1	2 = 3 + 5	3 = 4	4	5 = 6 + 52
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0			0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	4,340,000,000	4,340,000,000	42,000,000	42,000,000	4,298,000,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	42,000,000	42,000,000	42,000,000	42,000,000	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	42,000,000	42,000,000	42,000,000	42,000,000	0
6	- Trợ cấp Tết	42,000,000	42,000,000	42,000,000	42,000,000	0
7	B. Chi sự nghiệp	4,298,000,000	4,298,000,000	0	0	4,298,000,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	4,298,000,000	4,298,000,000	0	0	4,298,000,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	4,298,000,000	4,298,000,000	0	0	4,298,000,000
11	- Trợ cấp Tết	4,298,000,000	4,298,000,000	0	0	4,298,000,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách				1011982	
14	Mã KBNN nơi giao dịch				1761	
15					Tỉnh Đồng	

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
(Giao dự toán chi hỗ trợ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	LOẠI 070 KHOẢN 072	Trung tâm NDTKT	LOẠI 070 KHOẢN 074	THPT Nam Hà	THPT Nguyễn Trãi	THPT Nguyễn Hữu Cảnh
A	B	6 = 7+	7	8	9	10	11
1	I. TỔNG SỐ THU:			0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	155,040,000	155,040,000	4,099,760,000	73,200,000	17,600,000	85,200,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	155,040,000	155,040,000	4,099,760,000	73,200,000	17,600,000	85,200,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	155,040,000	155,040,000	4,099,760,000	73,200,000	17,600,000	85,200,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	155,040,000	155,040,000	4,099,760,000	73,200,000	17,600,000	85,200,000
11	- Trợ cấp Tết	155,040,000	155,040,000	4,099,760,000	73,200,000	17,600,000	85,200,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách		1012514		1008242	1008244	1008253
14	Mã KBNN nơi giao dịch		1761		1761	1761	1761
15			Tỉnh Đồng		Tỉnh Đồng	Tỉnh Đồng	Tỉnh Đồng

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
(Giao dự toán chi hỗ trợ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Tam Hiệp	THPT Tam Phước	THPT Long Thành	THPT Long Phước	THPT Bình Sơn	THPT Nguyễn Đình Chiểu
A	B	12	13	14	15	16	17
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0	0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	81,600,000	85,200,000	82,800,000	92,400,000	81,600,000	80,400,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	81,600,000	85,200,000	82,800,000	92,400,000	81,600,000	80,400,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	81,600,000	85,200,000	82,800,000	92,400,000	81,600,000	80,400,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	81,600,000	85,200,000	82,800,000	92,400,000	81,600,000	80,400,000
11	- Trợ cấp Tết	81,600,000	85,200,000	82,800,000	92,400,000	81,600,000	80,400,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách	1083072	1016701	1008250	1008187	1001778	1048065
14	Mã KBNN nơi giao dịch	1761	1761	1767	1767	1767	1767
15		Tỉnh Đồng	Tỉnh Đồng	Long Thành	Long Thành	Long Thành	Long Thành

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
(Giao dự toán chi hỗ trợ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Phước Thiên	THPT Nhơn Trạch	THPT Nguyễn Bình Khiêm	THPT Vĩnh Cửu	THPT Trị An	THCS-THPT Huỳnh Văn Nghệ
A	B	18	19	20	21	22	23
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0	0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	84,000,000	100,800,000	76,800,000	93,600,000	90,000,000	72,000,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	84,000,000	100,800,000	76,800,000	93,600,000	90,000,000	72,000,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	84,000,000	100,800,000	76,800,000	93,600,000	90,000,000	72,000,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	84,000,000	100,800,000	76,800,000	93,600,000	90,000,000	72,000,000
11	- Trợ cấp Tết	84,000,000	100,800,000	76,800,000	93,600,000	90,000,000	72,000,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách	1066131	1066130	1104436	1066240	1066127	1086261
14	Mã KBNN nơi giao dịch	1769	1769	1769	1762	1762	1762
15		Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
(Giao dự toán chi hỗ trợ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Thống Nhất A	THCS-THPT Bầu Hàm	THPT Ngô Sĩ Liên	THPT Thống Nhất (B)	THPT Dầu Giây	THPT Kiệm Tân
A	B	24	25	26	27	28	29
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0	0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	92,400,000	67,200,000	93,600,000	99,600,000	98,400,000	85,200,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	92,400,000	67,200,000	93,600,000	99,600,000	98,400,000	85,200,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	92,400,000	67,200,000	93,600,000	99,600,000	98,400,000	85,200,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	92,400,000	67,200,000	93,600,000	99,600,000	98,400,000	85,200,000
11	- Trợ cấp Tết	92,400,000	67,200,000	93,600,000	99,600,000	98,400,000	85,200,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách	1064085	1027516	1083074	1064086	1001964	1083073
14	Mã KBNN nơi giao dịch	1764	1764	1764	1771	1771	1771
15		Trảng Bom	Trảng Bom	Trảng Bom	Thống Nhất	Thống Nhất	Thống Nhất

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
(Giao dự toán chi hỗ trợ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Long Khánh	THPT Hoàng Diệu	THPT Trần Phú	THPT Sông Ray	THPT Cẩm Mỹ	THPT Võ Trường Toản
A	B	30	31	32	33	34	35
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0	0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	93,600,000	81,600,000	54,000,000	91,200,000	84,000,000	100,800,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	93,600,000	81,600,000	54,000,000	91,200,000	84,000,000	100,800,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	93,600,000	81,600,000	54,000,000	91,200,000	84,000,000	100,800,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	93,600,000	81,600,000	54,000,000	91,200,000	84,000,000	100,800,000
11	- Trợ cấp Tết	93,600,000	81,600,000	54,000,000	91,200,000	84,000,000	100,800,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách	1008241	1124152	1011983	1062242	1062437	1028560
14	Mã KBNN nơi giao dịch	1766	1766	1766	1772	1772	1772
15		Long Khánh	Long Khánh	Long Khánh	Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
(Giao dự toán chi hỗ trợ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Xuân Lộc	THPT Xuân Hưng	THPT Xuân Thọ	THPT Điều Cải	THPT Phú Ngọc	THPT Tân Phú
A	B	36	37	38	39	40	41
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0	0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	118,800,000	103,200,000	81,600,000	81,600,000	79,200,000	88,800,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	118,800,000	103,200,000	81,600,000	81,600,000	79,200,000	88,800,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	118,800,000	103,200,000	81,600,000	81,600,000	79,200,000	88,800,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	118,800,000	103,200,000	81,600,000	81,600,000	79,200,000	88,800,000
11	- Trợ cấp Tết	118,800,000	103,200,000	81,600,000	81,600,000	79,200,000	88,800,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách	1062241	1073894	1048287	1001965	1016711	1068165
14	Mã KBNN nơi giao dịch	1765	1765	1765	1768	1768	1768
15		Xuân Lộc	Xuân Lộc	Xuân Lộc	Định Quán	Định Quán	Định Quán

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN
(Giao dự toán chi hỗ trợ
(Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Định Quán	THPT Đoàn Kết	THPT Thanh Bình	THPT Tôn Đức Thắng	THCS-THPT Đắc Lua	PT DTNT tỉnh
A	B	42	43	44	45	46	47
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0	0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	85,200,000	94,800,000	98,400,000	78,000,000	56,400,000	260,400,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	85,200,000	94,800,000	98,400,000	78,000,000	56,400,000	260,400,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	85,200,000	94,800,000	98,400,000	78,000,000	56,400,000	260,400,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	85,200,000	94,800,000	98,400,000	78,000,000	56,400,000	260,400,000
11	- Trợ cấp Tết	85,200,000	94,800,000	98,400,000	78,000,000	56,400,000	260,400,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách	1100909	1001966	1062235	1028786	1029245	1069809
14	Mã KBNN nơi giao dịch	1768	1763	1763	1763	1763	1764
15		Định Quán	Tân Phú	Tân Phú	Tân Phú	Tân Phú	Trảng Bom

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - ĐỒNG NAI
Chương: 422.

GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN

(Giao dự toán chi hỗ trợ
 (Phụ lục kèm theo Quyết định số

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Chuyên Lương Thế Vinh	THCS-THPT Tây Sơn	THCS-THPT DTNT Điều Xiển	THCS&THP T Suối Nho	LOẠI 070 KHOẢN 075	Trung tâm GDTX tỉnh
A	B	48	49	50	51	52 = 53	53
1	I. TỔNG SỐ THU:	0	0	0	0	0	0
2	II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	112,800,000	76,800,000	350,160,000	94,800,000	43,200,000	43,200,000
3	A. Chi Quản lý nhà nước: (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0
4	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	0	0	0	0	0	0
5	2. Kinh phí không thường xuyên	0	0	0	0	0	0
6	- Trợ cấp Tết	0	0	0	0	0	0
7	B. Chi sự nghiệp	112,800,000	76,800,000	350,160,000	94,800,000	43,200,000	43,200,000
8	I. Sự nghiệp giáo dục	112,800,000	76,800,000	350,160,000	94,800,000	43,200,000	43,200,000
9	1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0
10	2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	112,800,000	76,800,000	350,160,000	94,800,000	43,200,000	43,200,000
11	- Trợ cấp Tết	112,800,000	76,800,000	350,160,000	94,800,000	43,200,000	43,200,000
12	2. Sự nghiệp đào tạo: Loại 070 Khoản 085	0	0	0	0	0	0
13	Mã số quan hệ ngân sách	1001967	1118287	1114724	1044956		1069807
14	Mã KBNN nơi giao dịch	1761	1768	1765	1768		1761
15		Biên Hòa	Định Quán	Xuân Lộc	Định Quán		Tỉnh Đồng Nai